

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Đã được Kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 5
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 – 7
<i>Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán</i>	
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	8 – 9
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2021	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2021	11 – 12
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021	13 – 48

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam (sau đây viết tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2021 của Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam nguyên là Công ty TNHH Một thành viên Thoát nước và Phát triển Đô thị Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được cổ phần hóa theo Quyết định số **3528A/QĐ-UBND** ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu về việc phê duyệt Phương án cổ phần hoá Công ty TNHH Một thành viên Thoát nước và Phát triển Đô thị Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Công ty đã được Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần**, mã số doanh nghiệp **3500614211**, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 01 tháng 11 năm 2018.

Vốn điều lệ : 100.000.000.000 **Đồng**

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Công ty gồm có:

❖ Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 6 Đường 3 tháng 2, Phường 8, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
- Điện thoại : (84-0254) 385 3125
- Fax : (84-0254) 351 1385
- MS thuế : **3 5 0 0 6 1 4 2 1 1**
- Website : busadco.com.vn
- E-mail : busadco@hcm.vnn.vn

❖ Các Chi nhánh, Công ty con và Công ty liên doanh liên kết với Công ty được trình bày tại Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất – Cấu trúc công ty.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị (nhiệm kỳ 2018 – 2023)

1. Bà Nguyễn Thị Hương Chủ tịch Hội đồng Quản trị (bổ nhiệm từ 01/10/2020)
2. Ông Hoàng Đức Thảo Phó Chủ tịch thường trực
3. Ông Nguyễn Văn Lư Thành viên
4. Ông Nguyễn Văn Sang Thành viên
5. Ông Hoàng Đình Nhu Thành viên

Ban Kiểm soát (nhiệm kỳ 2018 – 2023)

1. Bà Hoàng Thị Thắm Trưởng Ban
2. Bà Hoàng Thị Vui Thành viên
3. Ông Hoàng Văn Nghĩa Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Hoàng Đức Thảo Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật của Công ty
2. Ông Đỗ Anh Tuấn Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Nguyễn Võ Khoa Phó Tổng Giám đốc
4. Ông Hồ Văn Thư Phó Tổng Giám đốc (thôi việc từ ngày 01/03/2021)
5. Ông Tôn Thất Kha Phó Tổng Giám đốc
6. Ông Hoàng Văn Nghĩa Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ 01/05/2021)
7. Ông Nguyễn Quang Tùng Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ 19/05/2021)

Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Bà Hoàng Thị Hương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2021 của Công ty.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 08 đến trang 48.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc của Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán 2021 cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- * Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đảm bảo rằng, các số kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho niên độ kế toán 2021 kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty 



Tổng Giám đốc – Hoàng Đức Thảo

Thành phố Vũng Tàu, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Số: 3011.01.02/2022/BCTC-NVT3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2021 kèm theo của Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2022, từ trang 08 đến trang 48, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2021 kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của

các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Liên quan đến “Công trình kè Rạch Gốc”, do chưa thể thu thập đầy đủ các thông tin, tài liệu cần thiết về khoản Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được ghi nhận tại chỉ tiêu Hàng tồn kho (Thuyết minh V.7) nên chúng tôi chưa thể đưa ra ý kiến trình bày về chỉ tiêu này.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng vì vấn đề nêu trên đến các chỉ tiêu có liên quan, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho niên độ kế toán 2021 kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam.

Báo cáo đã được trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển đổi sang Công ty Cổ phần và đang hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 01 tháng 11 năm 2018 nhưng các cơ quan có thẩm quyền quyết định cổ phần hóa chưa ra Quyết định phê duyệt quyết toán tài chính, quyết toán chi phí cổ phần hóa và công bố giá trị thực tế phần vốn nhà nước.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt



Phó Tổng Giám đốc – Võ Công Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số : 0486-2018-124-1

Kiểm toán viên – Nguyễn Thị Huyền Trang

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4287-2018-124-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

ĐVT: Đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		252.314.068.979	254.720.726.657
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	34.699.881.909	10.443.194.010
111	1. Tiền		24.699.881.909	9.682.776.010
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	760.418.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		10.000.000.000	10.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	10.000.000.000	10.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		69.723.007.312	109.084.961.065
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	57.591.873.401	90.841.921.444
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	4.358.810.270	5.178.343.660
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	17.647.316.119	21.830.201.559
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(9.874.992.478)	(8.765.505.598)
140	IV. Hàng tồn kho		137.838.902.745	124.936.653.786
141	1. Hàng tồn kho	V.7	137.838.902.745	124.936.653.786
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		52.277.013	255.917.796
152	1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		52.277.013	52.277.013
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.8	-	203.640.783
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		60.263.907.220	59.364.870.799
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		50.670.611	70.670.611
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.9	50.670.611	70.670.611
220	II. Tài sản cố định		27.056.360.514	23.324.894.472
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	22.222.257.423	18.490.791.381
222	- Nguyên giá		126.738.953.021	115.045.889.384
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(104.516.695.598)	(96.555.098.003)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.11	4.834.103.091	4.834.103.091
228	- Nguyên giá		4.951.118.091	4.951.118.091
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(117.015.000)	(117.015.000)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		5.988.799.344	5.988.799.344
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	5.988.799.344	5.988.799.344
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		13.434.999.386	12.719.331.298
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	V.13	13.434.999.386	12.719.331.298
260	VI. Tài sản dài hạn khác		13.733.077.365	17.261.175.074
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.14	13.733.077.365	17.261.175.074
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		312.577.976.199	314.085.597.456

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Bảng Cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		179.120.002.134	181.712.370.485
310	I. Nợ ngắn hạn		178.763.883.134	181.321.251.485
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.15	25.258.649.524	29.822.251.131
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.16	31.179.205.498	26.941.960.035
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.17	25.368.347.073	26.105.419.517
314	4. Phải trả người lao động		3.282.063.506	1.273.794.933
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.18	50.360.302.938	42.905.266.396
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.19	20.034.954.388	36.286.246.809
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20	22.825.247.444	17.531.199.901
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		455.112.763	455.112.763
330	II. Nợ dài hạn		356.119.000	391.119.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.21	356.119.000	391.119.000
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU		133.457.974.065	132.373.226.971
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.22	133.457.974.065	132.373.226.971
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.22.1	100.000.000.000	100.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển	V.22.2	3.388.227.424	3.336.967.033
421	3. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.22.3	19.705.722.914	18.721.802.925
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		356.998.141	(495.280.230)
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		19.348.724.773	19.217.083.155
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	V.22.4	10.364.023.727	10.314.457.013
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		312.577.976.199	314.085.597.456

Thành phố Vũng Tàu, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Hoàng Thị Gấm

Hoàng Thị Hường

Hoàng Đức Thảo

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2021

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.23	314.722.362.262	359.749.335.785
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.23	114.152.724	265.622.728
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.23	314.608.209.538	359.483.713.057
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.24	222.656.333.380	257.553.175.780
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		91.951.876.158	101.930.537.277
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.25	1.505.008.717	1.494.453.280
22	7. Chi phí tài chính	VI.26	670.991.094	1.508.081.702
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>670.678.909</i>	<i>1.507.775.955</i>
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết	VI.27	715.668.088	890.164.571
25	9. Chi phí bán hàng	VI.28	5.808.633.337	9.336.675.893
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.29	63.419.127.073	71.834.410.381
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		24.273.801.459	21.635.987.152
31	12. Thu nhập khác		92.984.081	2.721.307
32	13. Chi phí khác	VI.30	2.068.713.783	1.376.874.167
40	14. Lợi nhuận khác		(1.975.729.702)	(1.374.152.860)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		22.298.071.757	20.261.834.292
51	16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.31	2.892.652.593	1.044.751.137
60	17. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		19.405.419.164	19.217.083.155
61	18. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ		19.348.724.773	19.672.688.404
62	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		56.694.391	(455.605.249)
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.32	1.935	1.967
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		1.935	1.967

Thành phố Vũng Tàu, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Hoàng Thị Gấm

Hoàng Thị Hường

Hoàng Đức Thảo

Báo cáo tài chính này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		22.298.071.757	20.261.834.292
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	V.10	7.961.597.595	8.963.178.775
03	- Các khoản dự phòng	VI.29	1.109.486.880	8.765.505.598
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.341.061.805)	(2.384.617.851)
06	- Chi phí lãi vay	VI.26	670.678.909	1.507.775.955
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		30.698.773.336	37.113.676.769
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		38.476.107.656	101.741.352.843
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(12.902.248.959)	2.331.876.573
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		(7.582.365.553)	(117.434.652.241)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		3.528.097.709	3.677.813.727
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả	VI.26	(670.678.909)	(1.507.775.955)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.17	(2.588.471.959)	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		48.959.213.321	25.922.291.716
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	V.10	(11.693.063.637)	(4.924.656.627)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(17.000.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		17.000.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	VI.25	625.393.717	1.494.453.280
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(11.067.669.920)	(3.430.203.347)

Báo cáo tài chính này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2021

ĐVT: Đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.20	39.689.908.886	52.080.769.361
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.20	(34.395.861.343)	(60.837.264.231)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(18.928.903.045)	(6.070.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(13.634.855.502)	(14.826.494.870)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		24.256.687.899	7.665.593.499
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	10.443.194.010	2.777.600.511
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	34.699.881.909	10.443.194.010

Thành phố Vũng Tàu, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Hoàng Thị Gấm

Hoàng Thị Hường

Hoàng Đức Thảo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2021

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kế toán 2021 của Công ty Cổ phần Khoa học Công nghệ Việt Nam (sau đây viết tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần

Ngành nghề kinh doanh :

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (Chi tiết: Đầu nối hệ thống thoát nước; Bao tiêu trọn gói hệ thống cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường);
- Thi công xây lắp các loại công trình chuyên ngành cấp, thoát nước và vệ sinh môi trường; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, công trình điện đến 35 KV; Thi công nạo vét sông, hồ, bến cảng; Thi công các công trình nông, lâm, thủy; Thi công các công trình cầu, đường, giao thông vận tải, các công trình hoa viên; Đầu tư xây dựng các công trình: Thoát nước và xử lý nước thải, chất thải rắn, hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị; Xây dựng nghĩa trang hoa viên;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, các thiết bị, phụ tùng ngành nước và vệ sinh môi trường;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Chi tiết: Điều tra khảo sát địa hình, địa chất, khí tượng thủy văn, nước thải, chất thải; Thiết kế công trình cấp nước, thoát nước; Thiết kế công trình xử lý chất thải rắn, lỏng và khí; Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi. Thăm tra thiết kế-tổng dự toán các Công trình: Cấp nước, thoát nước, công trình dân dụng công trình thủy lợi và công trình xử lý chất thải rắn, khí và lỏng);
- Nghiên cứu ứng dụng các công trình khoa học, công nghệ bảo vệ môi trường; Hợp tác với các tổ chức và các nhà khoa học trong và ngoài nước trong lĩnh vực sáng tạo khoa học công nghệ ứng dụng vào sản xuất và đời sống; Cung cấp hoặc chuyển giao công nghệ các sản phẩm khoa học;
- Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

Cấu trúc công ty

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, các Chi nhánh, Công ty con và Công ty liên kết của Công ty gồm có:

❖ Các Đơn vị trực thuộc

Đơn vị	Mã số doanh nghiệp/ Đơn vị	Địa chỉ
1. Văn phòng Công ty	3500614211	Số 6 Đường 3 tháng 2, Phường 8, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
2. Công ty Khoa học & Công nghệ – Chi nhánh Công ty CP Khoa học Công nghệ Việt Nam	3500614211-003	Số 6 Đường 3 tháng 2, Phường 8, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
3. Chi nhánh Miền Bắc – Chi nhánh Công ty CP Khoa học Công nghệ Việt Nam	3500614211-001	Thôn 6, Xã Thạch Hòa, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

❖ Công ty con và Công ty liên doanh liên kết

	Hoạt động chính	Mã số doanh nghiệp/ Mã số thuế	Vốn đầu tư của Busadco vào Công ty con và Công ty liên kết	Tỷ lệ phần sở hữu của Công ty
1. Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Xây dựng, Dịch vụ	3501317349	12.105.854.793	66,30%
2. Công ty CP Dịch vụ Đô Thị Tân Thành tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Dịch vụ công ích, Xây dựng	3500119584	7.996.500.000	39,98%

Chu kỳ hoạt động kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Cụ thể:

- + Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là “Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.
- + Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là “Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty con đó.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày đầu tư, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với Công ty con.

Các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một niên độ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty mẹ và Công ty con.

Số dư các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và các giao dịch nội bộ, các khoản lãi, lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng tập đoàn sẽ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý, là ngày Công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với Công ty con.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất; và trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2. Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh có gốc ngoại tệ vào Báo cáo tài chính theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của Bảng Cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày Bảng Cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm Tiền mặt tại quỹ và Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ. Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm trị giá nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ.

Hàng tồn kho của Công ty được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và hạch toán theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

6. Tài sản cố định

6.1 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
- Máy móc và thiết bị	03 – 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
- Tài sản cố định khác	03 - 10

6.2 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không tính khấu hao
- Phần mềm máy vi tính	03

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Các khoản đầu tư tài chính

❖ ***Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

❖ ***Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết***

Công ty liên doanh, liên kết là các bên nhận vốn đầu tư mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đến các chính sách tài chính và hoạt động của công ty liên doanh, liên kết.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này được trình bày phương pháp vốn chủ sở hữu trên Báo cáo tài chính hợp nhất, bao gồm các điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của Công ty trong lãi hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết. Phần sở hữu của

Công ty trong kết quả kinh doanh của công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty. Các khoản được chia từ công ty liên doanh, liên kết phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải thực hiện khi lợi ích của Công ty thay đổi phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên doanh, liên kết mà không phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại TSCĐ, chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính ...).

Trường hợp khoản lỗ trong Công ty liên doanh, liên kết mà Công ty phải gánh chịu lớn hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư trên Báo cáo tài chính hợp nhất thì Công ty chỉ ghi giảm giá trị khoản đầu tư trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho đến khi nó bằng không.

9. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh và có liên quan đến hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Trên Bảng Cân đối kế toán, chi phí trả trước được trình bày theo tiêu chí trả trước ngắn hạn và dài hạn.

Chi phí trả trước ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý.

10. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;

Phải trả khác là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Trên Bảng Cân đối kế toán, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

12. Chi phí phải trả

Là các khoản phải trả đã được dự tính và trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa trả (bao gồm hàng hoá dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng chưa đủ hồ sơ tài liệu để chi trả, chi phí lãi tiền vay trả sau và các khoản chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước).

Chi phí phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại, xác định được chắc chắn thời gian phải thanh toán, số sẽ phải trả và là một phần của các khoản phải trả thương mại hoặc phải trả khác.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ và phải được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế phải được hoàn nhập. Những khoản chi phí trích trước chưa sử dụng cuối năm phải được giải trình trong bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

❖ ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi.

❖ ***Lợi nhuận chưa phân phối***

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

❖ ***Trích lập các quỹ***

Các quỹ (Quỹ Đầu tư phát triển, Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi,...) được trích lập và sử dụng theo Điều lệ công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

❖ ***Lợi ích cổ đông không kiểm soát***

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là một phần của kết quả hoạt động thuần và giá trị tài sản thuần của một Công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Công ty mẹ sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các Công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần bao gồm: Giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định phù hợp với chuẩn

mục kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và Phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

❖ ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- a. Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- b. Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- d. Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó theo phương pháp đánh giá phần công việc đã hoàn thành.

❖ ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

15. Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu của hợp đồng xây dựng (HĐXD) được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

- a. Trường hợp HĐXD qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện HĐXD được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- b. Trường hợp HĐXD qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện HĐXD được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán bị trả lại, giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo trong khoản mục các khoản giảm trừ doanh thu.
- Nếu khoản hàng bán bị trả lại, giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi nhận giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau) trong khoản mục các khoản giảm trừ doanh thu.

17. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

18. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên Thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Đối với công ty mẹ là công ty cổ phần, chỉ tiêu này chỉ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất, không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (tử số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong niên độ kế toán (mẫu số).

Chỉ tiêu này phản ánh lãi cơ bản trên cổ phiếu, chưa tính đến các công cụ được phát hành trong tương lai có khả năng pha loãng giá trị cổ phiếu.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong niên độ kế toán được trình bày tại Khoản 1, Mục VII – **Thông tin khác** của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do toàn bộ hoạt động kinh doanh được thực hiện tại Việt Nam nên không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

	Đơn vị: Đồng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	236.385.498	3.779.545.691
- Tiền gửi ngân hàng	[a] 24.463.496.411	5.903.230.319
- Các khoản tương đương tiền	[b] 10.000.000.000	760.418.000
Cộng	34.699.881.909	10.443.194.010
[a] Trong đó Tiền gửi có gốc ngoại tệ (USD)	128.33	141.53
[b] Tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Rịa - Vũng Tàu.		
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.000.000.000	10.000.000.000

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bà Rịa - Vũng Tàu theo Hợp đồng Tiền gửi có kỳ hạn số 04/2021/HĐT.G.760.600410 ngày 15/12/2021, lãi suất 3,2%/năm. Khoản tiền gửi này dùng để cầm cố bảo lãnh khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu (Thuyết minh số V.20).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trung tâm quản lý các khu xử lý chất thải	12.340.788.444	7.670.807.244
- Ban quản lý dự án Đầu tư Xây dựng Quận Hoàn Kiếm	10.296.081.000	45.954.360.000
- Công ty Cổ phần Địa ốc Ngân Hiệp	7.614.393.863	-
- Công ty CP XD và Thiết kế số 1 (Decofi)	5.572.619.000	-
- Sở Xây dựng tỉnh BRVT	2.626.573.879	12.524.067.672
- Công ty CP Cơ khí Xây dựng Cấp Thoát nước Viwaseen 02	[*] 1.707.135.000	1.737.135.000
- Công ty Xây dựng Đồng Tâm	[*] 1.200.173.500	1.200.173.500
- Công ty Cổ phần XL Thủy lợi Hưng Yên	1.122.787.500	322.020.000
- Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Quảng Trị	1.015.988.000	1.015.988.000
- Ban QLDAXD Cơ sở hạ tầng TP. Thái Bình	59.000.000	2.949.728.000
- Công ty CP Khu du lịch Làng Chài	-	2.968.932.000
- Công ty CP ĐT và Xây dựng HUD 1	-	1.473.717.762
- Các đối tượng khác	[*] 14.036.333.215	13.024.992.266
Cộng	57.591.873.401	90.841.921.444

[*] Trong đó Nợ phải thu tồn đọng, khó đòi đã được trích lập Dự phòng nợ phải thu khó đòi với tổng giá trị trích lập là 9.391.373.638 Đồng (Tham chiếu Thuyết minh số V.6).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP DTTM và XD Đô thị Hà Nội	1.089.214.000	1.089.214.000
- Ban QLDA 3 tuyến Bà Rịa	830.023.757	830.023.757
- Sở Kế hoạch & Đầu tư BRVT	271.320.000	271.320.000
- Nguyễn Thị Trinh	180.000.000	-
- Công ty Cổ phần Việt Hoàng Huy [a]	145.684.700	-
- Công ty CP Tư vấn Thiết kế XD Toàn Thắng [b]	135.000.000	135.000.000
- Bà Trần Thị Phương Anh (Công ty Vũng ánh) [b]	132.787.400	132.787.400
- Nhà máy hóa chất Biên Hòa	121.990.000	-
- Công ty TNHH Công nghệ tự động hóa Hoàng Gia	108.042.000	108.042.000
- Công ty TNHH MTV XNK Phong Anh	104.060.000	-
- Đinh Công Sản	100.000.000	70.000.000
- Sở Xây dựng tỉnh BRVT	-	493.883.342
- Công ty TNHH Cơ điện APS	-	334.636.500
- Các đối tượng khác [b]	1.140.688.413	1.713.436.661
Cộng	4.358.810.270	5.178.343.660

[a] Bên liên quan.

[b] Trong đó Nợ phải thu tồn đọng đã được trích lập Dự phòng nợ phải thu khó đòi với tổng giá trị trích lập là 438.302.800 Đồng (Tham chiếu Thuyết minh số V.6).

5. Phải thu ngắn hạn khác

5.1 Tạm ứng	2.100.975.458	6.243.905.355
5.2 Ký quỹ, ký cược	915.000.000	-
5.3 Phải thu khác	14.631.340.661	15.586.296.204
Cộng	17.647.316.119	21.830.201.559

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

5.1 Tạm ứng

- Nguyễn Văn Dương	780.397.764	170.899.000
- Hoàng Văn Nghĩa	256.000.000	823.602.309
- Hoàng Văn Long	130.400.000	122.400.000
- Hoàng Văn Thắng	103.871.609	62.362.989
- Nguyễn Duy Hội	20.000.000	130.270.500
- Đào Thị Hồng Thúy	-	2.371.660.225
- Trần Văn Minh	-	1.537.774.764
- Các đối tượng khác	810.306.085	1.024.935.568
Cộng	2.100.975.458	6.243.905.355

5.3 Phải thu khác

- Ban QLDA chuyên ngành dân dụng và công nghiệp	[b] 7.952.278.328	7.102.731.792
- Thuế TNCN thù lao tác giả	[a] 3.434.453.198	3.434.453.198
- Thuế truy thu năm 2018 chờ xử lý	862.852.029	862.852.029
- Hiệp hội doanh nghiệp khoa học và công nghệ VN	503.636.324	503.636.324
- Bảo hiểm ốm đau thai sản	386.470.418	386.470.418
- Phải thu Thuế TNCN của nhân viên	316.669.425	316.669.425
- Trần Văn Minh	217.734.932	217.734.932
- Công ty CP Phát triển Truyền thông Đại Dương	100.000.000	100.000.000
- Đào Thị Hồng Thúy	-	2.000.000.000
- Kinh phí thực hiện đề tài Tây Nam Bộ	-	566.378.000
- Các đối tượng khác	857.246.007	95.370.086
Cộng	14.631.340.661	15.586.296.204

[a] Bên liên quan.**[b]** Khoản phải thu đang chờ quyết toán giá trị phải thu đối với các dự án có nguồn vốn ODA và các dự án khác được UBND tỉnh giao Công ty TNHH Thoát nước và Phát triển Đô thị làm chủ đầu tư (hiện các tài sản của dự án này đã bàn giao lại cho UBND tỉnh).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

6.1	Dự phòng Phải thu khách hàng khó đòi	(9.391.373.638)	(8.294.834.198)
6.2	Dự phòng của khoản Trả trước cho người bán	(438.302.800)	(438.302.800)
6.3	Dự phòng Phải thu khác tồn đọng	(45.316.040)	(32.368.600)
	Cộng	(9.874.992.478)	(8.765.505.598)

6.1 Dự phòng Phải thu khách hàng khó đòi

	Dư nợ cuối năm	Số lập dự phòng	
- Công ty CP Cơ khí XD Cấp Thoát nước Viwase2	1.707.135.000	(1.194.994.500)	
- Công ty xây dựng Đồng Tâm	1.200.173.500	(1.200.173.500)	
- UBND xã Hoa Nam	810.922.880	(810.922.880)	
- UBND Xã Vũ trung	784.681.400	(784.681.400)	
- UBND xã Quang Bình	649.176.400	(649.176.400)	
- UBND xã Thái Hưng	96.031.000	(96.031.000)	
- UBND xã Vũ Vinh	463.329.800	(463.329.800)	
- UBND xã Vũ Thắng	394.960.000	(394.960.000)	
- Công ty Cổ phần Xây dựng Bắc Ninh	426.473.218	(426.473.218)	
- Công ty TNHH MTV Duyên hải	366.346.700	(366.346.700)	
- Công ty TNHH Thương mại Hương Lúa	333.396.600	(333.396.600)	
- Công ty TNHH TV XD TH Quảng Ninh	326.483.500	(326.483.500)	
- Các đối tượng khác	2.540.297.630	(2.344.404.140)	
	Cộng	10.099.407.628	(9.391.373.638)

6.2 Dự phòng Trả trước cho người bán tồn đọng

	Dư nợ cuối năm	Số lập dự phòng	
- Công ty CP Tư vấn Thiết kế XD Toàn Thắng	135.000.000	(135.000.000)	
- Bà Trần Thị Phương Anh (CT Vũng Áng)	132.787.400	(132.787.400)	
- Exp International Services Inc	75.000.000	(22.500.000)	
- Công ty CP Tư vấn và Kỹ thuật XD VN.CIC	75.000.000	(22.500.000)	
- Văn phòng Luật sư Tường Trương Xuân Tám	50.000.000	(50.000.000)	
- Các đối tượng khác	104.565.400	(75.515.400)	
	Cộng	572.352.800	(438.302.800)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	5.714.043.348	4.563.321.482
- Công cụ, dụng cụ	41.566.225	124.689.013
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	[*] 104.801.690.328	101.561.501.054
- Thành phẩm	25.631.134.112	17.370.077.656
- Hàng hoá	215.060.854	219.242.308
- Hàng gửi bán	1.435.407.878	1.097.822.273
Cộng	137.838.902.745	124.936.653.786

[*] Trong đó Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tính đến ngày 31/12/2021 của Dự án xây dựng kê cấp bách bảo vệ đê biển Đông khu vực cửa biển Rạch Gốc, cửa biển Vàm Xoáy (gọi tắt là “Công trình kê Rạch Gốc”) là 52.638.102.942 Đồng.

8. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

-

203.640.783

Thuế Thu nhập cá nhân nộp thừa đầu năm.

9. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản Ký cược, ký quỹ dài hạn:

- Ban quản lý DA ĐTXD Quận Hoàn Kiếm	40.672.000	40.672.000
- Công ty CP Điện lực Khánh Hoà	5.000.000	5.000.000
- Công ty Xây lắp Điện & TM Tổng hợp Thanh Bé	4.998.611	4.998.611
- Các đối tượng khác	-	20.000.000
Cộng	50.670.611	70.670.611

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

10. Tài sản cố định hữu hình

Nhóm TSCĐ Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
- Số đầu năm	50.374.906.120	15.075.859.236	44.834.180.305	2.504.052.980	2.256.890.743	115.045.889.384
- Mua trong năm	-	2.709.263.637	8.807.600.000	176.200.000	-	11.693.063.637
- Số cuối năm	50.374.906.120	17.785.122.873	53.641.780.305	2.680.252.980	2.256.890.743	126.738.953.021
- Số đầu năm	42.263.047.656	9.544.242.376	40.495.665.186	1.995.252.042	2.256.890.743	96.555.098.003
- Khấu hao trong năm	3.463.540.163	2.663.194.296	1.605.775.672	229.087.464	-	7.961.597.595
- Số cuối năm	45.726.587.819	12.207.436.672	42.101.440.858	2.224.339.506	2.256.890.743	104.516.695.598
- Số đầu năm	8.111.858.464	5.531.616.860	4.338.515.119	508.800.938	-	18.490.791.381
- Số cuối năm	4.648.318.301	5.577.686.201	11.540.339.447	455.913.474	-	22.222.257.423
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng						
- Số đầu năm	10.425.102.931	7.279.794.078	36.403.863.032	1.267.260.509	2.256.890.743	57.632.911.293
- Số cuối năm	34.055.442.914	8.288.329.778	37.946.153.941	1.326.351.418	2.256.890.743	83.873.168.794

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

11. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu \ Nhóm TSCĐ	Quyền sử dụng đất [*]	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
- Nguyên giá	4.834.103.091	117.015.000	4.951.118.091
- Giá trị hao mòn	-	117.015.000	117.015.000
- Giá trị còn lại	4.834.103.091	-	4.834.103.091

[*] Quyền sử dụng đất tại xã Hòa Long, thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (do Công ty CP Đầu tư & Phát triển Đô thị tỉnh BRVT quản lý), được cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số BC 207766, mục đích sử dụng đất: đất sản xuất phi nông nghiệp.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nhà máy Vinh	3.613.670.942	3.613.670.942
- Dự án xây dựng Xưởng công nghệ Nha Trang mới	1.768.388.289	1.768.388.289
- Dự án đầu tư xây nhà máy công nghệ tại Thái Bình	70.170.000	70.170.000
- Dự án xây dựng khác	536.570.113	536.570.113
Cộng	5.988.799.344	5.988.799.344

13. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**13.434.999.386****12.719.331.298**

Khoản đầu tư vào Công ty CP Dịch vụ Đô thị Tân Thành Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu với vốn đầu tư ban đầu là 7.996.500.000 Đồng, chiếm 39,98% Vốn điều lệ tại Công ty CP Dịch vụ Đô thị Tân Thành Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (có Vốn Điều lệ 20.000.000.000 Đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

Tình hình biến động của khoản đầu tư vào Công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá gốc khoản đầu tư	7.996.500.000	7.996.500.000
- Lợi nhuận lũy kế tại Công ty liên kết		
+ Số đầu năm	4.722.831.298	3.832.666.727
+ Lợi nhuận tại Công ty liên kết trong năm	2.410.130.732	2.446.186.171
+ Nhận cổ tức trong năm	(879.615.000)	(879.560.000)
+ Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi	(814.847.644)	(676.461.600)
+ Số cuối năm	5.438.499.386	4.722.831.298
Giá trị khoản đầu tư liên kết		
- Số đầu năm	12.719.331.298	11.829.166.727
- Số cuối năm	13.434.999.386	12.719.331.298

14. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số đầu năm	17.261.175.074	6.604.721.539
- Tăng trong năm	13.408.393.510	25.624.784.899
- Phân bổ vào chi phí trong năm	(16.936.491.219)	(14.968.331.364)
- Số cuối năm	13.733.077.365	17.261.175.074

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần ĐT & DV Tổng hợp Trung Thành	5.097.738.200	-
- Công ty TNHH Nghĩa Thành	4.772.824.931	2.189.497.771
- Công ty TNHH Tâm Minh Đức [*]	1.489.915.990	1.515.784.360
- Công ty TNHH Đại Thanh	1.266.585.510	1.005.352.000
- Công ty TNHH MMV	1.199.616.000	2.135.559.096
- Công ty TNHH Hóa chất Xây dựng HI - CRETE	915.150.962	331.099.978
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Xây dựng Bê tông (DIC)	778.029.670	421.858.470
- Công ty Cổ phần TM Hóa dầu Miền Nam	735.072.510	342.051.950
- Cửa hàng Trung Hòa	703.149.380	481.978.084
- Công ty TNHH TM Thần Phong	647.747.288	1.253.154.607
- Công ty TNHH DV VT Sông Biển Thái Bình Dương	560.000.000	3.060.000.000
- Công ty TNHH KD Thép vật tư Thái Bình	113.984.105	2.108.333.744
- Công ty Cổ phần Việt Hoàng Huy [*]	-	568.091.712
- Các đối tượng khác	6.978.834.978	14.409.489.359
Cộng	25.258.649.524	29.822.251.131

[*] Bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ban QLDA ĐT XD các Công trình Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Thái Bình	8.714.292.000	8.714.292.000
- Công ty CP Khu du lịch Làng Chài	7.287.129.000	-
- Ban QLDA Công trình Nông nghiệp & PTNT Cà Mau BD	7.246.308.000	7.246.308.000
- Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh BRVT	3.493.653.000	3.493.653.000
- Công ty CP ĐT Nam Đình Vũ (thi công kê)	1.000.000.000	1.000.000.000
- DNTN XDCB Việt Ngân Khánh Hòa	343.500.000	-
- Korea Invention Promotion Association (KIPA)	303.621.748	303.621.748
- Công ty CP XD & Phát triển ĐT tỉnh BRVT (UDEC)	239.041.800	-
- Công ty TNHH TMDV TCXDCD Hồng Ân	-	1.358.848.200
- Công ty TNHH Xây dựng Vĩnh Phát	-	1.000.224.400
- Công ty CP XD DV và TM 68	-	771.519.165
- Các đối tượng khác	2.551.659.950	3.053.493.522
Cộng	31.179.205.498	26.941.960.035

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng	21.856.812.747	16.846.780.747	18.809.109.838	19.894.483.656
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp [*]	3.087.138.338	2.900.824.663	2.588.471.959	3.399.491.042
- Thuế Thu nhập cá nhân	(201.271.112)	6.779.611.028	5.087.917.257	1.490.422.659
- Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	-	473.873.572	473.873.572	-
- Các loại thuế khác, phạt, chậm nộp	1.159.098.761	344.383.084	919.532.129	583.949.716
Cộng	25.901.778.734	27.345.473.094	27.878.904.755	25.368.347.073
Trong đó:				
- Thuế phải nộp Nhà nước	26.105.419.517			25.368.347.073
- Thuế nộp thừa (Thuyết minh số V.8)	(203.640.783)			-

[*] Số phải nộp trong năm gồm thuế TNDN năm 2021 phải nộp là 2.892.652.593 Đồng và điều chỉnh thuế phải nộp năm trước của Công ty con là 8.172.070 Đồng.

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng :

- Nước sinh hoạt : 5%

- Sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ : 10%

Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN)

Theo công văn số 17652/BTC-CST ngày 03/12/2014 của Bộ Tài Chính thì Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN nếu Công ty đáp ứng được điều kiện về tỷ lệ doanh thu từ việc kinh doanh các hàng hoá sản phẩm hình thành từ kết quả khoa học công nghệ trên 70% tổng doanh thu thực hiện thì được áp dụng thuế suất 10% trong 15 năm, được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ khi Công ty có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

Theo Thông tư số 03/2021/TT-BTC ngày 11/01/2021 hướng dẫn về miễn, giảm thuế TNDN đối với Doanh nghiệp khoa học công nghệ thì tiếp tục được hưởng ưu đãi miễn thuế, giảm thuế TNDN cho thời gian còn lại, không tiếp tục được hưởng ưu đãi về thuế suất thuế TNDN kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Năm đầu tiên Công ty được công nhận là doanh nghiệp khoa học công nghệ là 2009. Năm 2021 là năm cuối cùng Công ty được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp.

Tiền thuê đất

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của cơ quan Thuế.

Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải trả chi phí thi công các công trình thuộc dự án thu gom, xử lý và thoát nước TP. Vũng Tàu	29.946.410.977	29.946.410.977
- Phải trả thù lao bản quyền tác giả	10.267.753.138	2.892.095.687
- Chi phí thi công công trình	10.000.000.000	10.000.000.000
- Phải trả chi phí thuê xưởng	37.659.732	66.759.732
- Phải trả khác	108.479.091	-
Cộng	50.360.302.938	42.905.266.396

[*] Bền liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

19. Phải trả ngắn hạn khác			
-	Kinh phí công đoàn	1.838.257.948	1.110.320.128
-	Bảo hiểm xã hội	127.518.949	180.604.870
-	Bảo hiểm y tế	97.722.342	92.375.227
-	Bảo hiểm thất nghiệp	74.981.248	83.908.695
-	Phải trả Nhà nước về cổ phần hoá	[a] 7.564.354.756	7.564.354.756
-	Các khoản phải trả, phải nộp khác	[b] 10.332.119.145	27.254.683.133
	Cộng	20.034.954.388	36.286.246.809
[a] Phải trả Nhà nước về cổ phần hoá			
-	Tiền bán cổ phần Nhà Nước	99.043.424.000	99.043.424.000
-	Chuyển nộp tiền bán cổ phần	(92.724.112.200)	(92.724.112.200)
-	Trừ chi phí cổ phần hóa	(840.001.467)	(840.001.467)
-	Tiền lãi phải trả cho các cổ đông do chậm chuyển sang Công ty Cổ phần	(2.782.845.206)	(2.782.845.206)
-	Lợi nhuận và các khoản phải nộp khác	4.867.889.629	4.867.889.629
	Cộng	7.564.354.756	7.564.354.756
[b] Các khoản phải trả, phải nộp khác			
-	Phải trả về cổ phần hoá (Tiền lãi phải trả cho các cổ đông do chậm chuyển sang Công ty Cổ phần)	2.782.845.206	2.782.845.206
-	Đào Thị Hồng Thúy	1.987.630.395	12.765.496.249
-	Đình Xuân Thịnh	925.014.866	1.009.251.169
-	Nguyễn Văn Dương	689.483.939	245.983.881
-	Nguyễn Thị Thu Hà	330.784.972	330.784.972
-	Nguyễn Ngọc Ánh	250.125.985	2.202.248.886
-	Cổ tức phải trả	123.975.760	52.878.805
-	Phải trả các nhà cung cấp (chưa có hóa đơn)	95.722.558	1.197.142.161
-	Kinh phí thực hiện đề tài Tây Nam Bộ	2.000.000	3.624.219.830
-	Các đối tượng khác	3.144.535.464	3.043.831.974
	Cộng	10.332.119.145	27.254.683.133

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	17.531.199.901	26.287.694.771
- Vay trong năm	39.689.908.886	52.080.769.361
- Trả nợ vay trong năm	(34.395.861.343)	(60.837.264.231)
- Số cuối năm	22.825.247.444	17.531.199.901

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa – Vũng Tàu theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/600410/HĐTD ngày 13/07/2021, các điều khoản cơ bản như sau:

- Hạn mức : 115.000.000.000 Đồng, trong đó hạn mức cho vay bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh thanh toán tối đa là **25.000.000.000 Đồng**
- Thời hạn : 12 tháng
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C
- Thời gian và Lãi : Theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể được phát hành
- Tài sản đảm bảo : Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2019/600410/HĐCC ngày 31/07/2019.

21. Phải trả dài hạn khác**356.119.000****391.119.000**

Các khoản nhận ký quỹ dài hạn của khách hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

22. Vốn chủ sở hữu (CSH)

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
A	Năm trước				
22.1	Vốn góp của CSH	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000
22.2	Quỹ đầu tư phát triển	3.339.947.543	-	(2.980.510)	3.336.967.033
22.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.123.588.572	19.672.688.404	(6.074.474.051)	18.721.802.925
22.4	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	10.752.607.700	17.454.562	(455.605.249)	10.314.457.013
	Cộng	119.216.143.815	19.690.142.966	(6.533.059.810)	132.373.226.971
B	Năm nay				
22.1	Vốn góp của CSH	100.000.000.000	-	-	100.000.000.000
22.2	Quỹ đầu tư phát triển	3.336.967.033	51.260.391	-	3.388.227.424
22.3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18.721.802.925	19.983.919.989	(19.000.000.000)	19.705.722.914
22.4	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	10.314.457.013	347.103.707	(297.536.993)	10.364.023.727
	Cộng	132.373.226.971	20.382.284.087	(19.297.536.993)	133.457.974.065

22.1 Vốn góp của chủ sở hữu

▪ Tình hình cổ phiếu

-	Mệnh giá cổ phiếu	10.000	Đồng/CP
-	Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	10.000.000	Cổ phiếu
-	Số lượng cổ phiếu phổ thông đã chào bán	10.000.000	Cổ phiếu
-	Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	-	Cổ phiếu
-	Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	10.000.000	Cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

- Chi tiết vốn góp của các Cổ đông như sau:

Cổ đông	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
- Công ty TNHH Tâm Minh Đức	2.750.000	27,50%	2.750.000	27,50%
- Công ty CP Vmat	-	-	1.650.000	16,50%
- Công ty CP Việt Hoàng Huy	2.478.500	24,79%	1.100.000	11,00%
- Ông Vũ Quốc Vương	1.209.848	12,10%	1.411.878	14,12%
- Ông Hoàng Đức Thảo	1.203.450	12,03%	1.203.450	12,03%
- Bà Nguyễn Thị Trinh	980.769	9,81%	980.769	9,81%
- Bà Hoàng Thị Thắm	13.082	0,13%	23.082	0,23%
- Các cổ đông khác	1.364.351	13,64%	880.821	8,81%
Cộng	10.000.000	100,00%	10.000.000	100,00%

22.2 Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển tăng trong năm do Công ty mẹ đầu tư tăng tỷ lệ lợi ích tại Công ty con.

22.3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

- Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	18.721.802.925
- Điều chỉnh lợi nhuận chưa phân phối năm trước	571.418.614
- Phân phối lợi nhuận của năm trước	(19.000.000.000)
<i>Chia cổ tức</i>	<i>(19.000.000.000)</i>
- Tăng lợi ích do cổ đông không kiểm soát thoái vốn	63.776.602
- Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển năm nay	356.998.141
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	19.348.724.773
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế chuyển năm sau	19.705.722.914

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

22.4 Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Biến động Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong Vốn chủ sở hữu như sau:

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
A	Năm trước				
-	Vốn góp của CSH	6.324.999.999	10.000.001	-	6.335.000.000
-	Quỹ đầu tư phát triển	1.770.262.308	2.980.510	-	1.773.242.818
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.657.345.393	4.474.051	(455.605.249)	2.206.214.195
	Cộng	10.752.607.700	17.454.562	(455.605.249)	10.314.457.013
B	Năm nay				
-	Vốn góp của CSH	6.335.000.000	-	(182.500.000)	6.152.500.000
-	Quỹ đầu tư phát triển	1.773.242.818	-	(51.260.391)	1.721.982.427
-	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2.206.214.195	347.103.707	(63.776.602)	2.489.541.300
	Cộng	10.314.457.013	347.103.707	(297.536.993)	10.364.023.727

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT NĂM 2021

Đơn vị tính: Đồng

	Năm nay	Năm trước
23. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	172.293.058.985	182.724.131.004
- Doanh thu bán sản phẩm và thi công công trình	142.429.303.277	177.025.204.781
- Hàng bán bị trả lại	(114.152.724)	(265.622.728)
Cộng	314.608.209.538	359.483.713.057

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

24. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn hoạt động cung cấp dịch vụ	91.829.264.852	116.699.158.347
- Giá vốn hàng bán sản phẩm, thi công công trình	130.827.068.528	140.854.017.433
Cộng	222.656.333.380	257.553.175.780
25. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi ngân hàng	625.393.717	614.838.280
- Cổ tức, lợi nhuận từ đầu tư vốn	879.615.000	879.615.000
Cộng	1.505.008.717	1.494.453.280
26. Chi phí tài chính		
- Chi phí lãi vay	670.678.909	1.507.775.955
- Chi phí tài chính khác	312.185	305.747
Cộng	670.991.094	1.508.081.702
27. Phần lãi hoặc lỗ trong liên doanh, liên kết		
- Phần lợi ích trong lợi nhuận sau thuế năm nay của Công ty liên kết	2.410.130.732	2.446.186.171
- Nhận cổ tức trong năm	(879.615.000)	(879.560.000)
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(814.847.644)	(676.461.600)
Cộng	715.668.088	890.164.571
28. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân viên bán hàng	898.503.729	1.009.053.924
- Chi phí vật liệu, bao bì	-	76.197.979
- Chi phí khấu hao TSCĐ	147.489.953	622.429.716
- Chi phí bảo hành	23.481.818	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	143.297.928	145.682.296
- Chi phí bằng tiền khác	4.595.859.909	7.483.311.978
Cộng	5.808.633.337	9.336.675.893

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	33.999.289.495	33.149.464.294
- Chi phí vật liệu quản lý	338.588.213	601.673.474
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.236.869.001	3.250.412.839
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.560.708.518	1.920.197.183
- Thuế, phí và lệ phí	567.093.518	905.744.823
- Chi phí dự phòng	1.109.486.880	8.733.136.998
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	434.540.628	2.478.472.391
- Chi phí bằng tiền khác	22.172.550.820	20.795.308.379
Cộng	63.419.127.073	71.834.410.381
30. Chi phí khác		
- Các khoản tiền phạt, chậm nộp	499.859.491	444.568.162
- Chi phí khác	1.568.854.292	932.306.005
Cộng	2.068.713.783	1.376.874.167
31. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	22.298.071.757	20.261.834.292
- Điều chỉnh tăng Thu nhập tính thuế	5.674.089.656	2.905.766.929
- Điều chỉnh giảm Thu nhập tính thuế	(1.595.283.088)	(2.272.578.486)
- Tổng Thu nhập tính thuế	26.376.878.325	20.895.022.735
- Thuế suất thuế TNDN	20%	10%
- Thuế TNDN theo thuế suất	5.275.375.665	2.089.502.274
- Thuế TNDN được ưu đãi giảm 50% (*)	(2.382.723.072)	(1.044.751.137)
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.892.652.593	1.044.751.137

(*) Công ty Mẹ được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế TNDN phải nộp (Tham chiếu Thuyết minh số V.17).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.348.724.773	19.672.688.404
- Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.935	1.967

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các Bên liên quan**❖ *Xác định Bên liên quan*

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty TNHH Tâm Minh Đức	Cổ đông lớn
- Công ty CP Vmat	Cổ đông lớn
- Công ty CP Việt Hoàng Huy	Cổ đông lớn
- Ông Hoàng Đức Thảo	Cổ đông lớn, Tổng Giám đốc
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Công ty con
- Công ty CP Dịch vụ Đô Thị Tân Thành tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Công ty liên doanh liên kết
- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Quản lý điều hành Công ty

❖ *Số dư nợ và giao dịch với các Bên liên quan trong năm như sau:*

- Tổng thu nhập từ tiền lương, thưởng, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm là **3.708.179.256 Đồng** (năm trước là **2.801.030.115 Đồng**).

- Giao dịch với các Bên liên quan khác trong năm như sau:

Nội dung	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu tiền bán hàng				
- Công ty CP ĐT và PT Đô thị tỉnh BRVT [*]	5.129.101.829	2.841.770.476	1.072.760.000	6.898.112.305

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

Phải thu khác

- Công ty CP ĐT và PT Đô thị tỉnh BRVT [*]	7.680.015.334	-	-	7.680.015.334
- Ông Hoàng Đức Thảo (Tiền thuê TNCN thù lao bản quyền tác giả)	3.434.453.198	-	-	3.434.453.198

Phải trả tiền mua hàng, Phải trả khác

- Công ty CP ĐT và PT Đô thị tỉnh BRVT [*]	30.295.406.400	5.517.870.877	6.741.467.532	29.071.809.745
- Công ty TNHH Tâm Minh Đức	1.515.784.360	2.938.932.580	2.964.800.950	1.489.915.990
- Công ty CP Việt Hoàng Huy	568.091.712	1.655.836.900	2.369.613.312	(145.684.700)
- Ông Hoàng Đức Thảo (Tiền thù lao bản quyền tác giả)	2.892.095.687	21.302.580.528	13.926.923.077	10.267.753.138

[*] Số dư và giao dịch nội bộ đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Thông tin về báo cáo bộ phận**Theo khu vực địa lý**

Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý.

Theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về Tài sản và Nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Sản xuất sản phẩm KHCN và thi công, cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực cấp thoát nước	Kinh doanh hàng hóa và dịch vụ khác	Loại trừ số dư giữa các bộ phận khi hợp nhất	Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất
Số cuối năm				
- Tài sản bộ phận	320.692.557.305	45.329.689.588	(53.444.270.694)	312.577.976.199
- Nợ phải trả bộ phận	202.023.130.284	14.573.082.956	(37.476.211.106)	179.120.002.134
Số đầu năm				
- Tài sản bộ phận	322.864.240.949	44.600.381.469	(53.379.024.962)	314.085.597.456
- Nợ phải trả bộ phận	203.716.316.925	14.873.850.846	(36.877.797.286)	181.712.370.485

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

Thông tin về Kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Năm nay	Sản xuất sản phẩm KHCN và thi công, cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực cấp thoát nước	Kinh doanh hàng hóa và dịch vụ khác	Loại trừ số dư giữa các bộ phận khi hợp nhất	Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất
- Doanh thu thuần	312.674.464.450	9.536.438.531	(7.602.693.443)	314.608.209.538
- Giá vốn hàng bán	223.656.597.428	6.602.429.395	(7.602.693.443)	222.656.333.380
- Lợi nhuận gộp	89.017.867.022	2.934.009.136	-	91.951.876.158
- Doanh thu HĐ tài chính	1.502.060.881	2.947.836	-	1.505.008.717
- Chi phí tài chính	670.991.094	-	-	670.991.094
- Phần lãi trong liên doanh, liên kết	-	-	715.668.088	715.668.088
- Chi phí bán hàng	5.808.633.337	-	-	5.808.633.337
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	63.018.371.208	400.755.865	-	63.419.127.073
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	21.021.932.264	2.536.201.107	715.668.088	24.273.801.459
- Thu nhập khác	92.485.022	499.059	-	92.984.081
- Chi phí khác	210.191.217	1.858.522.566	-	2.068.713.783
- Lợi nhuận khác	(117.706.195)	(1.858.023.507)	-	(1.975.729.702)
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.904.226.069	678.177.600	715.668.088	22.298.071.757
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.382.723.072	509.929.521	-	2.892.652.593
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	18.521.502.997	168.248.079	715.668.088	19.405.419.164

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

Năm trước	Sản xuất sản phẩm KHCN, thi công, cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực cấp thoát nước	Kinh doanh hàng hóa và dịch vụ khác	Loại trừ số dư giữa các bộ phận khi hợp nhất	Tổng cộng các bộ phận sau hợp nhất
- Doanh thu thuần	354.774.231.484	13.601.570.510	(8.892.088.937)	359.483.713.057
- Giá vốn hàng bán	252.859.158.446	13.586.106.271	(8.892.088.937)	257.553.175.780
- Lợi nhuận gộp	101.915.073.038	15.464.239	-	101.930.537.277
- Doanh thu HĐ tài chính	1.480.126.220	14.327.060	-	1.494.453.280
- Chi phí tài chính	2.010.880.617	-	(502.798.915)	1.508.081.702
- Phần lãi trong liên doanh, liên kết	-	-	890.164.571	890.164.571
- Chi phí bán hàng	9.336.675.893	-	-	9.336.675.893
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	70.950.622.409	873.787.971	10.000.001	71.834.410.381
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	21.097.020.339	(843.996.672)	1.382.963.485	21.635.987.152
- Thu nhập khác	2.721.307	-	-	2.721.307
- Chi phí khác	907.887.412	468.986.755	-	1.376.874.167
- Lợi nhuận khác	(905.166.105)	(468.986.755)	-	(1.374.152.860)
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20.191.854.234	(1.312.983.427)	1.382.963.485	20.261.834.292
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.044.751.137	-	-	1.044.751.137
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	19.147.103.097	(1.312.983.427)	1.382.963.485	19.217.083.155

3. Những khoản nợ ngẫu nhiên, khoản cam kết

Công ty không có tài sản tiềm tàng và nợ tiềm tàng có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Năm 2021

4. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính

Các văn bản luật ban hành trong năm có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 sau đây:

- Nghị định số 44/2021/NĐ-CP ngày 31/03/2021 của Chính phủ Hướng dẫn thực hiện về chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản chi ủng hộ, tài trợ của doanh nghiệp, tổ chức cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19.
- Nghị định số 52/2021/NĐ-CP ban hành ngày 19/04/2021 của Chính phủ về việc gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2021.
- Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/06/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân và quản lý thuế đối với hộ, cá nhân kinh doanh. Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/8/2021, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có doanh thu từ hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm dương lịch từ 100 triệu đồng trở xuống thì thuộc trường hợp không phải nộp thuế GTGT và không phải nộp thuế TNCN theo quy định pháp luật về thuế GTGT và thuế TNCN.
- Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 24/09/2021 của Chính Phủ về chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.
- Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19.

Thành phố Vũng Tàu, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Gấm

Hoàng Thị Hường

Hoàng Đức Thảo